

Số: 507/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 19 tháng 6 năm 2014

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI THÁNG 6**  
**VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**

**I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:**

Sáu tháng đầu năm 2014, trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước và thế giới có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa bền vững, tăng trưởng còn chậm; sức mua còn thấp; doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn đã ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

Tuy vậy, nhờ được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Bộ Công thương; sự nỗ lực của các cấp các ngành và nhất là của các doanh nghiệp nên tình hình sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại trong 6 tháng đầu năm 2014 vẫn giữ mức tăng trưởng ổn định, cụ thể:

**1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:**

**1.1. Giá trị sản xuất công nghiệp:**

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 6/2014 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 528,4 tỷ đồng, tăng 1,44% so với tháng trước và tăng 10,64% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 423,7 tỷ đồng, tăng 8,65%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước đạt 64,71 tỷ đồng, tăng 36,04%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải ước đạt 6,14 tỷ đồng, tăng 6,5%; riêng công nghiệp khai khoáng ước đạt 33,9 tỷ đồng, giảm 1,32% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2014 ước đạt 2895,62 tỷ đồng, tăng 8,65% so với cùng kỳ năm trước, đạt 48,2% so với kế hoạch năm 2014. Trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 2329,61 tỷ đồng, tăng 7,73%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước đạt 344,97 tỷ đồng, tăng 28,89%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải ước đạt 34,52 tỷ đồng, tăng 9,8%; riêng công nghiệp khai khoáng ước đạt 186,52 tỷ đồng, giảm 8,43% so với cùng kỳ năm trước.

**1.2. Chỉ số sản xuất công nghiệp:**

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 6/2014 tăng 0,44% so với tháng trước và tăng 8,21% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Công nghiệp khai khoáng tăng 3,71% so với tháng trước và tăng 10,48% so với tháng cùng kỳ năm trước.

- Công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,53% so với tháng trước và tăng 6,03% so với tháng cùng kỳ năm trước.

- Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 5,13% so với tháng trước và tăng 23,87% so với cùng kỳ năm trước.

- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 2,31% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2014 tăng 7,48% so với cùng kỳ năm trước (6 tháng năm 2013 tăng 9,52%). Trong đó: Công nghiệp khai khoáng giảm 1,24% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do một số cơ sở khai thác, chế biến quặng titan phải ngừng hoạt động do khó khăn trong khai thác; Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,92% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chỉ số tăng chậm, do sản phẩm của một số ngành như chế biến gỗ, ván ép, hóa chất, kim loại... không cạnh tranh được với hàng giá rẻ trên thị trường nên có xu hướng tăng trưởng chậm lại; Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 31,93% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tăng cao là do 6 tháng cùng kỳ năm trước có một Tổ máy phải ngừng hoạt động để bảo trì, bảo dưỡng; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,36% so với cùng kỳ năm trước.

### **1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 6/2014 có mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Tấm lợp Phibro xi măng tăng 264,4%; quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit tăng 57,05%; sắt xe các loại tăng 20,23%; xi măng Portland tăng 39,21%; điện sản xuất tăng 29,62%. Một số sản phẩm vẫn duy trì ở mức ổn định như: gỗ cửa, gỗ xẻ tăng 6,86%; gạch xây tăng 6,22%; đá xây dựng tăng 6,87%; tinh bột sắn tăng 6,94%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Dầu nhựa thông giảm 40,48%; phân bón NPK giảm 22,3%; quặng zircon và tinh quặng zircon giảm 22,7%; đồ uống không cồn, nước khoáng giảm 7,75%; ván ép giảm 6,08%.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước như: Tấm lợp Phibro xi măng tăng 211,14%; điện sản xuất tăng 49,5%; xi măng Portland tăng 30,08%; đá xây dựng tăng 23,85%; sắt xe các loại tăng 21,47%; lốp xe các loại tăng 9,57%; tinh bột sắn tăng 9,85%; gỗ cửa, gỗ xẻ tăng 3,22%; nước máy tăng 6,06%. Bên cạnh đó một số sản phẩm giảm như: Quặng zircon và tinh quặng zircon giảm 42,44%; quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit giảm 5,55%; dầu nhựa thông giảm 32,48%; tấm lợp bằng kim loại giảm 17,93%; ván ép giảm 7,46%; phân bón NPK giảm 6,4%; gạch xây dựng giảm 0,5%; gạch xây giảm 0,47%.

### **1.3. Chỉ số tiêu thụ ngành, tồn kho công nghiệp chế biến, chế tạo:**

Chỉ số tiêu thụ sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/6/2014 tăng 0,13% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 5 tháng đầu năm 2014 giảm 1,89% so với tháng cùng kỳ năm trước; Điều này cho thấy doanh nghiệp vẫn còn đang gặp

hiều khó khăn trong vấn đề tiêu thụ sản phẩm, nếu không tìm kiếm thị trường tiêu thụ hàng hóa sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp trong vấn đề phát triển sản xuất.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/6/2014 giảm 9,55% so với tháng trước và tăng 30,63% so với tháng cùng kỳ năm trước.

## **2. Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu:**

### **2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ:**

#### **2.1.1 Tổng mức bán lẻ hàng hóa:**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 6/2014 ước đạt 1480,0 tỷ đồng, tăng 2,48% so với tháng trước và tăng 14,41% so với tháng cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 8231,06 tỷ đồng, tăng 11,24% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước 957,78 tỷ đồng, tăng 15,64%; khu vực kinh tế cá thể ước đạt 4599,06 tỷ đồng, tăng 5,46%; kinh tế tư nhân ước đạt 2674,22 tỷ đồng, tăng 21,07% so với cùng kỳ năm trước.

#### **2.2.2. Doanh thu hoạt động dịch vụ:**

Doanh thu hoạt động dịch vụ tháng 6/2014 ước đạt 249,33 tỷ đồng, tăng 1,91% so với tháng trước và tăng 11,24% so với tháng cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, doanh thu hoạt động dịch vụ có mức tăng trưởng khá, ước đạt 1325,19 tỷ đồng, tăng 12,56% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 87,15 tỷ đồng, tăng 11,9%; khu vực kinh tế cá thể ước đạt 1116,0 tỷ đồng, tăng 8,8%; kinh tế tư nhân ước đạt 122,0 tỷ đồng, tăng 31,3% so với cùng kỳ năm trước.

### **2.3. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu:**

2.3.1. Xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu tháng 6/2014 ước đạt 12,365 triệu USD, tăng 5,61% so với tháng trước và tăng 27,75% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung trong 6 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá ước đạt 64,154 triệu USD, tăng 21,56% so với cùng kỳ năm trước và đạt 47,5% so với kế hoạch năm. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu tăng so với cùng kỳ năm trước như: Sản phẩm bằng Plastics tăng 7,62%; xe đạp và phụ tùng xe đạp tăng 0,33%; hàng nông sản khác tăng 13,76%. Bên cạnh đó, một số mặt hàng giảm đáng kể như: Cà phê giảm 45,07%; sản phẩm bằng gỗ giảm 1,77%; phân bón NPK giảm 33,44%.

2.3.2. Nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2014 ước đạt 12,556 triệu USD, tăng 5,51% so với tháng trước và tăng 7,26% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung, tổng kim ngạch nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2014 ước đạt 68,115 triệu USD, tăng 6,61% so với cùng kỳ năm trước, đạt 42,6% so với kế hoạch năm 2014. Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu tăng như: Thực phẩm chế biến tăng 11,4%; gỗ tròn các loại tăng 1,08%; máy móc thiết bị, phụ tùng khác tăng 27,64%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm nhập khẩu giảm như: Sữa và các sản phẩm sữa giảm 72,62%; hàng điện tử giảm 75,73%; thạch cao giảm 17,03%.

## **3. Chỉ số giá tiêu dùng:**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2014 so tháng trước giảm 0,11%. Nguyên nhân là do nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,68%. Một số nhóm hàng có

mức tăng nhẹ như: Nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 0,45%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,31%; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,52%; nhóm thiết bị đồ dùng gia đình tăng 0,36%; nhóm hàng thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,09%; nhóm hàng giao thông tăng 0,24%; nhóm giáo dục tăng 0,01%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,06%; nhóm bưu chính viễn thông không tăng, không giảm.

Nhìn chung, chỉ số giá tiêu dùng tháng 6 năm 2014 so với thời điểm tháng 12/2013 tăng 2,09%. Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,21%; nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 2,01%; Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,83%; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,12%; nhóm thiết bị đồ dùng gia đình tăng 1,64%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,18%; nhóm giao thông tăng 2,72%; nhóm giáo dục tăng 0,08%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,35%. Riêng nhóm hàng bưu chính viễn thông giảm 0,24%.

## **II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương:**

### **1. Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch:**

- Phối hợp Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn - Bộ Xây dựng báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và xin ý kiến thỏa thuận của Bộ Xây dựng về Quy hoạch chung xây dựng Khu Đông Nam Quảng Trị đến năm 2030 định hướng đến năm 2050. Hiện đang bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch để trình phê duyệt.

- Phối hợp Viện Năng lượng- Bộ Công Thương hoàn chỉnh, tổ chức lấy ý kiến dự thảo Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2013-2020 có xét đến 2030; Đơn đốc đơn vị tư vấn chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ để trình phê duyệt.

- Tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Công Thương xem xét và thỏa thuận dự án đầu tư cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Trị.

- Phối hợp đơn vị tư vấn đẩy nhanh tiến độ hoàn chỉnh Quy hoạch các dự án có nhu cầu sử dụng khí trên địa bàn tỉnh đến 2020, định hướng đến năm 2030 để trình thẩm định; Hoàn chỉnh đề cương, dự toán Quy hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh để trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp Sở Kế hoạch & Đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ, trình xin ý kiến các Bộ ngành liên quan về dự thảo Đề cương nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh đến năm 2020 để trình UBND tỉnh phê duyệt.

### **2. Công tác thu hút, xúc tiến dự án đầu tư:**

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo dự án Nhà máy Nhiệt điện và các dự án trọng điểm tại Khu Đông Nam Quảng Trị; Làm việc với các Bộ, ngành Trung ương tháo gỡ khó khăn vướng mắc đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án trọng điểm.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh xúc tiến đầu tư, hỗ trợ và hướng dẫn nhà đầu tư thủ tục triển khai các dự án động lực vào Khu Đông Nam như: Dự án nhà máy nhiệt điện than 1200 MW Quảng Trị; dự án phát triển hạ tầng khu trung tâm (4000 ha) và Cảng Mỹ Thủy; dự án Hệ thống cấp nước sông Nhùng (theo hình thức PPP); dự án nhà máy sản xuất bao bì thủy tinh cao cấp; dự án “từ cát đến năng lượng”...

- Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án Nhà máy bia Hà Nội- Quảng Trị; Nhà máy MDF dây chuyền 2 tại Khu Công nghiệp Quán Ngang; Nhà máy sản xuất bột giấy; Nhà máy sản xuất viên gỗ nén; Các nhà máy chế biến gỗ rừng trồng và các dự án thủy điện nhỏ đang triển khai đầu tư xây dựng trên địa bàn.

- Phối hợp với Viện MêKông (Thái Lan) triển khai hoạt động dự án “Nâng cao năng lực hướng tới phát triển toàn diện và bình đẳng Tiểu vùng sông MêKông”; Chuẩn bị nội dung tổ chức ký kết Biên bản thoả thuận giữa Sở Công Thương và Viện Mêkông về phối hợp triển khai dự án; Làm việc và tham gia Biên bản ghi nhớ (MOU) với đối tác Thái Lan về “Nghiên cứu phát triển Dự án Khí tự nhiên tổng hợp (SNG) tỉnh Quảng Trị”.

### **3. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực công nghiệp:**

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành; Tổ chức đoàn liên ngành kiểm tra số lượng khoáng sản tồn kho thực tế của các doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn và đề xuất Bộ Công Thương cho xuất khẩu sản phẩm tồn kho; Tham luận Hội thảo giải quyết các kiến nghị về tháo gỡ khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp; Hội nghị bàn giải pháp nâng cao chỉ số PCI của tỉnh; Chuẩn bị nội dung tổ chức Hội nghị tạo môi liên kết bền vững giữa doanh nghiệp với người trồng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập và triển khai Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu lần thứ 2, năm 2014. Thông qua bình chọn đã trình UBND tỉnh công nhận 23 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; Hoàn thành hồ sơ sản phẩm đạt giải tham gia bình chọn cấp khu vực Miền trung- Tây nguyên năm 2014.

- Tổ chức Hội thảo khoa học lấy ý kiến các sở, ban ngành đối với đề tài “Nghiên cứu luận cứ khoa học và thực tiễn phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Trị”; Đề xuất nhiệm vụ năm 2014-2015 thuộc đề án trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

- Tổ chức đoàn kiểm tra, rà soát dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; Tham mưu UBND tỉnh báo cáo và đề xuất các chủ trương thu hút dự án đầu tư vào các cụm công nghiệp trên địa bàn.

### **4. Hoạt động khuyến công:**

Trong 6 tháng đầu năm 2014, đã tiến hành thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho 12 đề án với tổng kinh phí 580 triệu đồng (đợt 1); Trong đó: Có 05 đề án ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến vào sản xuất; 04 đề án ứng dụng máy móc và thiết kế bao bì, nhãn mác, xây dựng, đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu; 02 đề án ứng dụng máy móc, thiết bị nhằm nâng cao năng suất, ổn định chất lượng sản phẩm và xử lý môi trường; 01 đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất măng tươi và chế biến cà phê bột. Qua đó, đã khuyến khích các cơ sở sản xuất công nghiệp đầu tư hơn 11 tỷ đồng đổi mới máy móc thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, tăng sức cạnh tranh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp và giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn.

- Trình Bộ Công Thương phê duyệt hỗ trợ vốn khuyến công quốc gia đối với đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất chả cá của doanh nghiệp tư nhân Ngọc Tuấn, với kinh phí 250 triệu đồng.

- Xây dựng và trình duyệt hỗ trợ thực hiện 03 đề án xây dựng thương hiệu sản phẩm; tuyên truyền sản xuất sạch hơn và đánh giá nhanh khả năng ứng dụng sản xuất sạch hơn cho các doanh nghiệp, với kinh phí 160 triệu đồng.

- Xây dựng dự thảo và tổ chức lấy ý kiến các Sở, ban ngành liên quan đối với Đề án về chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh để tham mưu trình UBND tỉnh HĐND tỉnh thông qua tại Kỳ họp thứ 12, khóa VI; Xây dựng dự thảo Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp khuyến công trên địa bàn tỉnh để trình UBND tỉnh ban hành.

- Tổ chức tuyên truyền giới thiệu các chủ trương, chính sách về phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, hoạt động khuyến công, giới thiệu các doanh nghiệp, sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh thông qua trang Web khuyến công Quảng Trị, phối hợp với Đài PH-TH tỉnh phát sóng 06 chuyên mục “Trang Công Thương Quảng Trị” và phát hành 02 Bản tin/Đặc san Công Thương Quảng Trị; xây dựng nội dung phóng sự về phát triển ngành sau 25 năm tái lập tỉnh và hoạt động khuyến công 10 năm.

#### **5. Công tác quản lý an toàn kỹ thuật và môi trường:**

- Chủ trì tổ chức đoàn liên ngành kiểm tra tình hình bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; kinh doanh hóa chất; kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn đập thủy điện; an toàn kỹ thuật, môi trường công nghiệp và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; Tham gia đoàn kiểm tra an toàn vệ sinh lao động- phòng chống cháy nổ trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị, doanh nghiệp liên quan tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia về an toàn vệ sinh lao động-phòng chống cháy nổ lần thứ 16 năm 2014; “Tháng hành động vì chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2014”; Tổ chức tuyên truyền và đánh giá nhanh khả năng áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

- Tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về môi trường kinh doanh xăng dầu và kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (110 học viên); Lớp huấn luyện kỹ an toàn thuật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (150 học viên) cho cán bộ, công nhân lao động các doanh nghiệp trên địa bàn.

#### **6. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực điện năng:**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về tăng cường công tác quản lý quy hoạch đầu tư xây dựng và vận hành khai thác công trình thủy điện.

- Tổ chức lấy ý kiến đề án “Mở rộng Dự án Thủy lợi -Thủy điện Quảng Trị”; Tổ chức đoàn kiểm tra về tình hình chấp hành pháp luật của các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp điều tra thu thập số liệu các xã dự án điện nông thôn trên địa bàn để xây dựng dữ liệu điện nông thôn Quảng Trị; Tổ chức đoàn kiểm tra thực địa, thẩm tra hồ sơ thiết kế dự án cấp điện nông thôn vay vốn ADB và KfW.

- Phối hợp với ngành điện tổ chức các hoạt động tuyên truyền về công tác đảm bảo an toàn công trình lưới điện cao áp; Hướng ứng “Giờ trái đất”, tiết kiệm điện trên địa bàn.

### **7. Công tác quản lý nhà nước về thương mại:**

- Chỉ đạo các doanh nghiệp trong ngành triển khai công tác dự trữ hàng hóa, đảm bảo cân đối cung cầu, bình ổn thị trường phục vụ các dịp lễ, tết; Tổ chức đoàn kiểm tra tình hình dự trữ hàng hóa tại các doanh nghiệp được phân công trên địa bàn.

- Tổ chức khảo sát, nắm bắt tình hình phát triển chợ trên địa bàn và chuẩn bị nội dung tổ chức Hội thảo trao đổi kinh nghiệm về công tác quản lý chợ, đề xuất mô hình quản lý chợ trong tình hình hiện nay.

- Chuẩn bị nội dung làm việc với Đoàn Giám sát- HĐND tỉnh về tình hình thực hiện Nghị quyết 13 của HĐND tỉnh về quy hoạch, kế hoạch phát triển thương mại- du lịch; Hướng dẫn các thủ tục triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu; Chỉ đạo các doanh nghiệp trong ngành tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày “Vì quyền của người tiêu dùng thế giới”.

### **8. Công tác xúc tiến thương mại và hội nhập kinh tế:**

- Hướng dẫn và triển khai thực hiện Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh; Xây dựng tiêu chí đánh giá, thẩm định đề án xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị; Quy chế làm việc và thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị; Chuẩn bị tổ chức triển khai phiên chợ hàng Việt về nông thôn thuộc Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

- Xây dựng kế hoạch đánh giá mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong doanh nghiệp; Triển khai kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website; Hoàn thiện và đưa vào vận hành thử nghiệm Cổng thông tin xuất nhập khẩu tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các ban ngành, địa phương liên quan hoàn thiện Kế hoạch khai thác hành lang kinh tế Đông Tây (EWEC); Chuẩn bị nội dung tổ chức lớp tập huấn phát triển kinh tế địa phương; Triển khai các hoạt động giám sát hội chợ và thực hiện khuyến mại trên địa bàn tỉnh.

### **9. Công tác kiểm soát giá cả, quản lý thị trường:**

- Chỉ đạo các ngành, lực lượng chức năng tăng cường công tác chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại tại các khu vực biên giới, tuyến giao thông trọng điểm; Thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành chống hàng giả, hàng không đảm bảo chất lượng tại Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo và Chợ Đông Hà; Tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn vệ sinh thực phẩm; kinh doanh rượu, thuốc lá đối với một số doanh nghiệp, cửa hàng kinh doanh trên địa bàn.

- Tham mưu UBND tỉnh họp các ngành liên quan để thống nhất ý kiến đề xuất Ban chỉ đạo 127 Trung ương tháo gỡ khó khăn về kinh phí cho các ngành, lực lượng chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thương mại và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng; Xây dựng 03 mô hình điểm về niêm yết giá, bán theo giá niêm yết và văn minh thương mại; Hướng dẫn pháp luật cho hộ kinh doanh thương mại; Tổ

chức 04 lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật tập trung cho các hộ kinh doanh trên địa bàn.

- Dự ước 6 tháng đầu năm 2014, lực lượng quản lý thị trường tiến hành kiểm tra 541 vụ và xử lý vi phạm 200 vụ. Trong đó, hàng cấm 10 vụ; hàng nhập lậu 44 vụ; vi phạm về đầu cơ, găm hàng, sai phạm trong lĩnh vực giá 65 vụ; vi phạm trong kinh doanh 26 vụ, vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm 32 vụ, vi phạm nhãn hàng hóa 23 vụ. Tổng số tiền xử phạt hành chính 164,38 triệu đồng; tiền bán hàng hoá tịch thu 355,36 triệu đồng; trị giá hàng hóa chưa bán 180,97 triệu đồng; trị giá hàng tiêu hủy 1,62 triệu đồng.

#### **10. Công tác thanh tra, kiểm tra:**

- Tổ chức lớp tập huấn phổ biến các quy định mới trong lĩnh vực điện, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện năng, năng lượng; Triển khai thực hiện một số nội dung của Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về thống kê.

- Tham mưu báo cáo giải trình các ý kiến, kiến nghị cử tri tại kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khoá VI thuộc lĩnh vực công thương; Thống kê định kỳ số liệu chủ yếu về công tác phòng, chống tham nhũng.

- Tổ chức tiếp nhận, xử lý một số biên bản vi phạm trong sử dụng điện; Tiếp nhận, xác minh đơn tố cáo; giải quyết các kiến nghị của công dân; Chuẩn bị nội dung triển khai kiểm tra an toàn kỹ thuật, môi trường công nghiệp và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đối với một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

#### **11. Công tác tổ chức, hành chính:**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Chi cục QLTT tỉnh; Hoàn chỉnh và trình phê duyệt Đề án Vị trí việc làm của Sở Công Thương; Tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý của Sở; Tiến hành quy trình bổ nhiệm Phó giám đốc Sở.

- Xây dựng và ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức và người lao động của cơ quan Sở Công Thương; Kiện toàn Hội đồng lương cơ quan Sở và triển khai xét nâng lương trước thời hạn cho cán bộ, công chức cơ quan Sở.

- Xây dựng và triển khai Chương trình công tác, Ký kết giao ước thi đua và Bảng tự chấm điểm thi đua năm 2014 của Khối quản lý nhà nước về kinh tế, kỹ thuật.

- Tổ chức rà soát và trình UBND tỉnh công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương; Hoàn chỉnh các quy trình giải quyết thủ tục hành chính trong Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 để triển khai công tác đánh giá tái chứng nhận hệ thống.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2014; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014; Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2014; Kế hoạch thực hiện công tác dân vận chính quyền; Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật năm 2014 của Sở và triển khai thực hiện.



### **III. Đánh giá chung**

#### **1. Những mặt được:**

- Đã chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện có hiệu quả, bám sát các nhiệm vụ được giao theo Chương trình công tác trọng tâm, Kế hoạch hành động và các thông báo kết luận của UBND tỉnh; Bộ Công Thương.

- Hoạt động xúc tiến đầu tư được thực hiện khẩn trương, tích cực, đặc biệt đã hỗ trợ, tạo thuận lợi thủ tục đầu tư các dự án trong trung tâm Khu Đông Nam Quảng Trị và các dự án động lực phát triển ngành công thương.

- Hoạt động xúc tiến thương mại, đặc biệt hoạt động đưa hàng Việt về nông thôn được quan tâm và triển khai có hiệu quả, góp phần khai thác hiệu quả thị trường nông thôn cũng như giải quyết đầu ra cho các doanh nghiệp. Hoạt động khuyến công có tác động tích cực đến các doanh nghiệp, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

- Thị trường được kiểm soát tốt, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa dẫn đến sốt giá cục bộ; công tác dự trữ hàng hoá phòng chống bão lụt và đảm bảo bình ổn giá trong các dịp lễ, tết được thực hiện nghiêm túc.

- Công tác cải cách hành chính của cơ quan từng bước được thực hiện nghiêm túc, việc giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân luôn đảm bảo thời hạn; Thường xuyên rà soát, đề xuất phương án đơn giản thủ tục các hành chính; nâng cao hiệu quả hoạt động bộ phận tiếp nhận và trả kết quả “một cửa”; duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức.

#### **2. Những mặt hạn chế:**

- Trong bối cảnh chung tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn gặp nhiều khó khăn, thách thức; nhà đầu tư còn gặp khó khăn về huy động vốn nên phải giãn tiến độ, các dự án trọng điểm của ngành chậm được triển khai, làm ảnh hưởng đến năng lực sản xuất của ngành. Các chỉ tiêu về công nghiệp - thương mại của tỉnh chưa đạt kế hoạch đã đề ra.

- Công tác đấu tranh chống buôn lậu gặp khó khăn do việc thanh toán các khoản chi phí hợp lý nhằm phục vụ công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại chưa được giải quyết thiếu kinh phí để tổ chức thực hiện.

- Công tác triển khai lập các quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch các dự án sử dụng khí; quy hoạch khai thác, quản lý và sử dụng khoáng sản; quy hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất) và một số đề án (chuyển đổi mô hình quản lý chợ, Dự án xây dựng mô hình chợ thí điểm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sàn giao dịch thương mại điện tử) thực hiện còn chậm, một phần do nguồn vốn chậm được bố trí làm ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước của ngành.

### **IV. Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2014**

Những tháng cuối năm 2014, trong bối cảnh kinh tế thế giới, trong nước còn nhiều diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro; dự báo tình hình kinh tế trong thời gian tới vẫn còn khó khăn và thách thức. Nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng cuối năm 2014 được đề ra như sau:

- Chuẩn bị nội dung, làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện quy hoạch kế hoạch phát triển ngành công thương giai đoạn 2011-2015, phương hướng nhiệm vụ 2016-2020 và các đề án trọng điểm phát triển ngành.

- Trình duyệt và tổ chức thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Khu Đông Nam Quảng Trị đến năm 2030, định hướng đến 2050; Quy hoạch các dự án có nhu cầu sử dụng khí trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Triển khai lập Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến 2030; Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh đến năm 2020; Quy hoạch phát triển thương mại của tỉnh đến năm 2020; Quy hoạch phát triển điện lực của tỉnh giai đoạn 2011-2015.

- Xây dựng hoàn thiện Đề án chuyển đổi mô hình quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2025; Đề án sản giao dịch thương mại điện tử Quảng Trị; Đề án xây dựng mô hình chợ thí điểm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh; Đề án củng cố, khôi phục và phát triển làng nghề, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Đề án phát triển ngành cơ khí tỉnh.

- Tiếp tục hỗ trợ thực hiện thủ tục đầu tư các dự án trong khu Đông Nam Quảng Trị, trong đó, hướng dẫn chủ đầu tư triển khai các thủ tục lập dự án Nhà máy nhiệt điện than 1.200 MW Quảng Trị, các dự án sử dụng khí và các dự án động lực khác làm tiền đề hình thành Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Xúc tiến đầu tư, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

- Tổ chức nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời đề xuất tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; quan tâm đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đặc biệt chú trọng đầu tư hệ thống xử lý chất thải trong khu, cụm công nghiệp và tập trung thu hút đầu tư sản xuất kinh doanh vào khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Tiếp tục triển khai và hoàn thành các đề án khuyến công tỉnh, quốc gia năm 2014; Xây dựng kế hoạch kinh phí khuyến công tỉnh và Quốc gia năm 2015; Triển khai hoạt động tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp, thực hiện chương trình sản xuất sạch hơn, chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.

- Hoàn chỉnh đề án về chính sách khuyến công để trình HĐND tỉnh thông qua; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công (thay thế Quyết định 10/2010/QĐ-UBND ngày 05/5/2010 của UBND tỉnh) và triển khai thực hiện.

- Hoàn chỉnh hồ sơ sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu để tham gia bình chọn cấp khu vực miền Trung - Tây Nguyên năm 2014.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển thủy điện nhỏ của tỉnh; Theo dõi đôn đốc tiến độ đầu tư các dự án thủy điện nhỏ, tăng cường công tác quản lý an toàn các hồ, đập thủy điện trên địa bàn. Cải tạo và phát triển đồng bộ hệ thống lưới điện trên địa bàn tỉnh; triển khai dự án đầu tư lưới điện cho các thôn bản

chưa có điện; xúc tiến, thu hút đầu tư các dự án điện gió.

- Hỗ trợ các địa phương trong việc thực hiện đảm bảo các tiêu chí về chợ và điện góp phần thực hiện hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường; Tập trung chỉ đạo công tác đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại, các tháng cuối năm 2014; Tăng cường công tác kiểm tra hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, vi phạm sở hữu trí tuệ gian lận thương mại, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; công tác đảm bảo hàng hóa, bình ổn thị trường trong dịp lễ, tết.

- Tiếp tục củng cố và mở rộng thị trường nội địa, nhất là thị trường nông thôn, miền núi, thực hiện chương trình đưa hàng Việt về nông thôn; Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động của Bộ Chính trị “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Chỉ đạo tiếp tục triển khai chương trình xúc tiến thương mại giai đoạn 2013-2015 của tỉnh, Kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2011-2015; Triển khai thực hiện Kế hoạch năm 2014 về Biên bản ghi nhớ giữa UBND tỉnh và Học viện MêKông (MI); Tích cực hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu sản phẩm, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước; Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website, ứng dụng thương mại điện tử.

- Triển khai các hoạt động phổ biến, tuyên truyền hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật của ngành về an toàn kỹ thuật công nghiệp, khuyến công, nâng cao nhận thức về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, an toàn vệ sinh thực phẩm...

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về tình hình sử dụng, bảo quản và vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; công tác an toàn điện, an toàn hóa chất, an toàn vệ sinh công nghiệp; tình hình chấp hành pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng; tình hình hoạt động khuyến mại tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung thực hiện chương trình cải cách hành chính, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý nhà nước của Sở; Thực hiện nghiêm quy chế làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ công chức.

## **V. Một số kiến nghị, đề xuất**

- Đề nghị HĐND, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh quá trình hình thành Khu kinh tế Đông - Nam, tích cực làm việc với các Bộ, ngành trung ương và các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm tại Khu kinh tế Đông - Nam, cảng biển Mỹ Thủy, nhằm khai thác có hiệu quả lợi thế Hành lang kinh tế Đông - Tây.

- Quan tâm đến việc bố trí ngân sách để đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư tăng cường triển khai các hoạt động Hành lang kinh tế Đông-

Tây, đặc biệt là kinh phí để tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch khai thác tiềm năng, lợi thế Hành lang kinh tế Đông - Tây giai đoạn 2014- 2015, tính đến 2020.

- Ưu tiên bố trí vốn cho việc xây dựng các quy hoạch nhánh, chuyên ngành làm cơ sở cho việc kêu gọi đầu tư và phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước. Hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch phát triển thương mại Quảng Trị của tỉnh đã được phê duyệt.

- Quan tâm hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng các Cụm công nghiệp theo Quyết định 17/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh, tạo điều kiện thu hút đầu tư, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại địa bàn các huyện.

- Đề nghị Lãnh đạo tỉnh quan tâm chỉ đạo các ngành, các địa phương huyện, thị xã, thành phố đưa nội dung hội nhập kinh tế quốc tế vào các Chương trình; Kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của mình và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. Quan tâm hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế.

- Quan tâm bố trí kinh phí để xây dựng Đề án phát triển các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của tỉnh đến năm 2020, có tính đến 2030; Đề nghị UBND tỉnh tham mưu trình HĐND tỉnh thông qua Đề án về chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh để Sở triển khai thực hiện.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại của tỉnh, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2014 và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2014; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *ML*

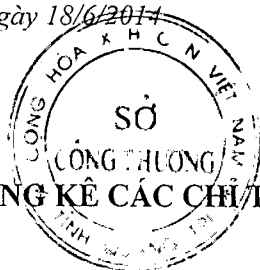
**GIÁM ĐỐC**



**Lê Quang Vĩnh**

Biểu số 01/SCT-BCT

Ngày nhận báo cáo: Ngày 18/6/2014



Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Bộ Công Thương;

- Sở KH &ĐT tỉnh Quảng Trị

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 6 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**

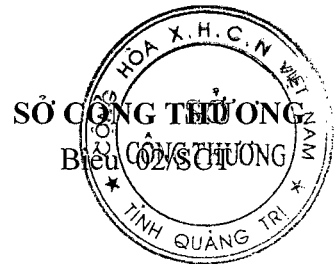
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm 2013		Năm 2014			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 6	Thực hiện 6 tháng	Kế hoạch năm 2014	Ước thực hiện tháng 6	Ước thực hiện cả 6 tháng	Tháng 6 năm 2014 so với tháng 6 năm 2013	6 tháng năm 2014 So với cùng kỳ năm 2013	6 tháng năm 2014 so với KH năm 2014
A	B	C	D		I	2		3		4=3/1	5=3/2
I	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng		477,591	2.665,15	6.005	528,4	2.895,62	110,64%	108,65%	48,2%
1	Phân theo ngành công nghiệp	Tỷ đồng									
1,1	Công nghiệp khai khoáng	"		34,35	203,69		33,90	186,52	98,68%	91,57%	
1,2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	"		389,91	2.162,4		423,7	2.329,61	108,65%	107,73%	
1,3	Sản xuất, tập trung và phân phối điện ga	"		47,57	267,66		64,71	344,97	136,04%	128,89%	
1,4	Cung cấp nước, HĐ quản lý và xử lý nước thải	"		5,77	31,44		6,14	34,52	106,50%	109,80%	
II	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm									
1	Quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit	Tấn		848,96	6.128		1333,33	5.788	157,05%	94,45%	
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn		334,07	2.646		258,24	1.523	77,30%	57,56%	
3	Đá xây dựng	1000 m <sup>3</sup>		38,692	190		41,35	235	106,87%	123,85%	
4	Tinh bột sắn	Tấn		3264,15	34.847		3490,57	38.279	106,94%	109,85%	
5	Đồ uống không cồn, nước khoáng	1000 lít		748	3.791		690	3.875	92,25%	102,22%	
6	May mặc, may trang phục	1000 cái		18	206		95	536	527,78%	259,82%	
7	Gỗ cưa, gỗ xẻ	1000 m <sup>3</sup>		6,56	32		7,0	33,22	106,86%	103,22%	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm 2013		Năm 2014			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 6	Thực hiện 6 tháng	Kế hoạch năm 2014	Ước thực hiện tháng 6	Ước thực hiện cả 6 tháng	Tháng 6 năm 2014 so với tháng 6 năm 2013	6 tháng năm 2014 So với cùng kỳ năm 2013	6 tháng năm 2014 so với KH năm 2014
A	B	C	D		I	2		3		4=3/1	5=3/2
8	Ván ép (gỗ MDF)	1000 m3		7,45	42		7,0	38,48	93,92%	92,54%	
9	Dầu nhựa thông	Tấn		117,6	559		70	377	59,52%	67,52%	
10	Colophan, axit nhựa cây và các dẫn xuất khác	Tấn		609	2.125,0		460	2.359	75,53%	111,01%	
11	Phân bón NPK	Tấn		4675	22.540		4100	21.098	87,70%	93,60%	
12	Lốp xe các loại	1000 cái		136	718		136	786	100,00%	109,57%	
13	Săm xe các loại	1000 cái		262	1.365		315	1.658	120,23%	121,47%	
14	Gạch xây	1000 viên		12710	75.373		13500	75.021	106,22%	99,53%	
15	Xi măng Portland	Tấn		18145	92.902		25260	120.848	139,21%	130,08%	
16	Tấm lợp Fibro xi măng	1000 m2		145,68	810		530,86	2.520	364,40%	311,14%	
17	Tấm lợp bằng kim loại	Tấn		92,54	282		61,19	232	66,12%	82,07%	
18	Điện sản xuất	Triệu Kwh		27,55	144		35,71	215	129,62%	149,50%	
19	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh		37	207		38	208	102,70%	100,27%	
20	Nước uống được	1000 m3		812	4.484		820	4.756	100,99%	106,06%	
<b>III</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>Tỷ đồng</b>									
<b>1</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa</b>	<b>Tỷ đồng</b>		<b>1293,60</b>	<b>7.399,4</b>		<b>1.480,00</b>	<b>8.231,06</b>	<b>114,41%</b>	<b>111,24%</b>	
	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>	<i>Tỷ đồng</i>									
1.1	Kinh tế Nhà nước	"		143,62	828,25		176,99	957,78	123,23%	115,64%	
1.2	Kinh tế Tập thể	"					-	-	-	-	
1.3	Kinh tế Cá thể	"		735,09	4360,95		816,76	4599,06	111,11%	105,46%	
1.4	Kinh tế Tư nhân	"		415,33	2208,82		486,26	2674,22	117,08%	121,07%	
1.5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"		-			-		-		



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm 2013		Năm 2014			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 6	Thực hiện 6 tháng	Kế hoạch năm 2014	Ước thực hiện tháng 6	Ước thực hiện cả 6 tháng	Tháng 6 năm 2014 so với tháng 6 năm 2013	6 tháng năm 2014 So với cùng kỳ năm 2013	6 tháng năm 2014 so với KH năm 2014
A	B	C	D		I	2		3		4=3/1	5=3/2
1	<b>Tổng kim ngạch nhập khẩu</b>	<b>Tr. USD</b>		11,706	63,890	160,00	12,556	68,115	107,26%	106,61%	42,6%
	<b>Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu</b>										
2.1	Sữa và sản phẩm sữa			0,148	0,650		0,032	0,178	21,62%	27,38%	
2.2	Thực phẩm chế biến			0,956	5,157		0,912	5,745	95,40%	111,40%	
2.3	Hàng điện tử			0,680	4,219		0,150	1,024	22,06%	24,27%	
2.4	Ôtô các loại (dưới 12 chỗ ngồi)			-	-		-	-			
2.5	Máy móc thiết bị, phụ tùng khác			4,517	24,000		6,318	30,633	139,87%	127,64%	
2.6	Gỗ xẻ các loại			3,652	21,380		3,732	21,611	102,19%	101,08%	
2.7	Thạch cao			0,158	0,922		0,134	0,765	84,81%	82,97%	
2.8	Gỗ tròn các loại			1,595	7,562		1,278	8,159	80,13%	107,89%	
<b>VI</b>	<b>Quản lý thị trường</b>										
1	<b>Số vụ kiểm tra trong lĩnh vực quản lý thị trường</b>	<b>Vụ</b>		-	460	1.371	-	541	-	117,61%	39,5%
	Trong đó: Tổng số vụ xử lý, vi phạm hành chính			-	279		-	200	-	71,68%	
1.1	Hàng cấm	"		-	11		-	10	-	90,91%	
	Hàng nhập lậu			-	158		-	44	-	27,85%	
1.3	Gian lận thương mại	"		-	1		-	-	-	-	
1.4	Vi phạm về hàng giả, hàng kém chất lượng và quyề	"		-	17		-	-	-	-	
1.5	Vi phạm về đầu cơ, găm hàng và sai phạm trong lĩ	"		-	27		-	65	-	240,74%	
1.6	Vi phạm trong kinh doanh	"		-	150		-	26	-	17,33%	
1.7	Vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm	"		-	1		-	32	-	3200,0%	
1.8	Vi phạm khác (nhãn hàng hóa)	"		-	14		-	23	-	164,29%	
2	<b>Số tiền thu phạt trong kỳ</b>	<b>Tr. đồng</b>		-	3.005,48	6.100	-	702,3	-	23,37%	11,5%





**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**  
**Tháng 6 và 6 tháng năm 2014**

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 5/2014		Dự ước tháng 6/2014			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5/2014 so với tháng 5/2013
	So với cùng kỳ năm gốc 2010	So với tháng cùng kỳ năm trước (2013)	So với cùng kỳ năm gốc 2010	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước (2013)	
A	1	2	3	4	5	6
<b>Toàn ngành</b>	<b>147,93</b>	<b>114,65</b>	<b>147,27</b>	<b>100,44</b>	<b>108,21</b>	<b>107,48</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	51,55	103,16	53,55	103,71	110,47	98,76
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	170,21	112,50	168,68	99,47	106,03	104,92
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	65,70	137,90	69,12	105,13	123,87	131,93
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	119,50	115,34	119,74	100,20	102,31	107,36

SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 03/SCT  
SỞ



**CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)**

**Tháng 6 và 6 tháng năm 2014**

<b>Nhóm hàng</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ gốc</b>	<b>Tháng trước</b>	<b>Tháng cùng kỳ năm trước</b>	<b>Tháng 12 năm trước</b>
<b>Chỉ số giá tiêu dùng</b>	<b>C</b>	<b>167,54</b>	<b>99,89</b>	<b>105,86</b>	<b>102,09</b>
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	1	167,41	99,32	109,52	103,21
II. Đồ uống, thuốc lá	2	139,65	100,45	102,40	102,01
III. May mặc, mũ nón, giày dép	3	172,33	100,31	105,53	102,83
IV. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng	4	182,44	100,52	104,54	101,12
V. Thiết bị đồ dùng gia đình	5	154,60	100,36	104,54	101,64
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	6	222,58	100,09	100,46	100,18
VII. Giao thông	7	163,92	100,24	104,06	102,72
VIII. Hàng bưu chính viễn thông	8	87,44	100,00	100,87	99,76
IX. Giáo dục	9	178,26	100,01	103,00	100,08
X. Văn hóa, giải trí và du lịch	10	127,63	100,06	104,84	100,35